

Số: 1211/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển
ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Xét đề nghị của Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

a) Phát triển công nghiệp ô tô trở thành ngành công nghiệp quan trọng để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước.

b) Khuyến khích phát triển ngành công nghiệp ô tô thông qua hệ thống chính sách minh bạch, ổn định, phù hợp, trên cơ sở phát huy nội lực của các thành phần kinh tế trong nước; chú trọng liên kết, hợp tác với các tập đoàn sản xuất ô tô lớn trên thế giới để tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu của ngành công nghiệp ô tô thế giới.

c) Phát triển ngành công nghiệp ô tô đồng bộ với sự phát triển hệ thống hạ tầng giao thông, chính sách tiêu dùng, các yêu cầu về môi trường và xu hướng sử dụng tiết kiệm năng lượng.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam trở thành ngành công nghiệp

quan trọng của đất nước, đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa về các loại xe tải, xe khách thông dụng và một số loại xe chuyên dùng; phần đầu trở thành nhà cung cấp linh kiện, phụ tùng và một số cụm chi tiết có giá trị cao trong chuỗi sản xuất công nghiệp ô tô thế giới, góp phần vào tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp khác.

b) Mục tiêu cụ thể

- Dự kiến tỷ trọng số lượng xe sản xuất lắp ráp trong nước so với tổng nhu cầu nội địa (%):

	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
Ô tô đến 9 chỗ	60	65	70
Ô tô ≥ 10 chỗ	90	92	92
Ô tô tải	78	78	80
Xe chuyên dùng	15	18	20

- Dự kiến sản lượng xe và tốc độ tăng trưởng các năm:

	Sản lượng xe sản xuất trong nước (chiếc)			Tăng trưởng (%/năm)		
	2020	2025	2030	đến 2015	2016-2020	2021-2030
Tổng số	227.496	466.375	862.761	7,10	16,82	14,26
Ô tô đến 9 chỗ	114.053	237.900	451.512	6,51	16,00	14,75
Ô tô ≥ 10 chỗ	14.154	29.102	51.288	8,18	18,00	13,74
Ô tô tải	97.952	197.017	356.115	7,63	17,61	13,78
Xe chuyên dùng	1.336	2.356	3.846	10,13	19,29	11,15

- Dự kiến xuất khẩu xe nguyên chiếc và phụ tùng:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2030
Tổng lượng xe xuất khẩu	Chiếc	20.000	60.000
Tr.đó: Ô tô đến 9 chỗ	Chiếc	5.000	30.000
Ô tô trên 9 chỗ	Chiếc	5.000	10.000
Ô tô tải	Chiếc	10.000	20.000
Xuất khẩu linh kiện, phụ tùng	Triệu USD	4.000	6.000

- Về công nghiệp hỗ trợ:

+ Giai đoạn đến năm 2020, cơ bản hình thành ngành công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất ô tô. Phần đầu đáp ứng 30 - 40% (về giá trị) nhu cầu linh kiện, phụ tùng của sản xuất, lắp ráp xe ô tô trong nước, chế tạo được một số chi tiết quan trọng trong bộ phận truyền động, hộp số, động cơ (nhất là cho xe khách và xe tải nhẹ), từng bước tham gia hệ thống cung ứng các linh kiện, phụ tùng trong chuỗi giá trị toàn cầu của công nghiệp ô tô thế giới.

+ Giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục phát triển công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất ô tô, đảm bảo cung ứng 40 - 45% (về giá trị) nhu cầu về linh kiện, phụ tùng phục vụ sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu của ngành công nghiệp ô tô khu vực và thế giới.

+ Giai đoạn 2026 - 2030, công nghiệp hỗ trợ phát triển cả về quy mô sản lượng và chủng loại sản phẩm, đảm bảo cung ứng trên 50% (về giá trị) nhu cầu về linh kiện, phụ tùng phục vụ sản xuất lắp ráp ô tô trong nước, phấn đấu trở thành nơi cung cấp quan trọng một số loại linh kiện, phụ tùng cho ngành công nghiệp ô tô khu vực và thế giới.

	Tỷ lệ giá trị sản xuất trong nước %		
	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
Xe ô tô đến 9 chỗ	30 - 40	40 - 45	50 - 55
Ô tô từ 10 chỗ trở lên	35 - 45	50 - 60	70 - 75
Ô tô tải	30 - 40	45 - 55	65 - 70
Xe chuyên dùng	25 - 35	40 - 45	55 - 60

3. Định hướng phát triển

a) Đối với xe tải và xe khách từ 10 chỗ trở lên

- Chú trọng phát triển dòng xe tải nhỏ đa dụng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

- Chú trọng phát triển các loại xe khách tầm trung và tầm ngắn chạy liên tỉnh, huyện, nội đô... phù hợp với điều kiện địa hình, hạ tầng giao thông trong nước với giá thành hợp lý, an toàn và tiện dụng.

- Tập trung đầu tư cải tiến, nâng cấp công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thiện hệ thống dịch vụ bán hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng phần lớn nhu cầu trong nước, từng bước tham gia xuất khẩu.

b) Đối với xe đến 9 chỗ

- Tập trung định hướng tiêu dùng vào dòng xe cá nhân kích thước nhỏ, tiêu thụ ít năng lượng, phù hợp với mức thu nhập dân cư và khả năng đáp ứng của hạ tầng giao thông.

- Xác định rõ đối tác chiến lược, khuyến khích đầu tư các dự án đủ lớn để tạo dựng thị trường cho công nghiệp hỗ trợ. Khuyến khích sản xuất dòng xe thân thiện môi trường (xe tiết kiệm nhiên liệu, xe hybrid, xe sử dụng nhiên liệu sinh học, xe chạy điện...).

c) Đối với xe chuyên dùng

- Lựa chọn sản xuất, lắp ráp một số chủng loại xe có nhu cầu cao cho thị trường trong nước (xe chở bê tông, xe xitec, xe đặc chủng phục vụ an ninh, quốc phòng...).

- Khuyến khích sản xuất xe nông dụng nhỏ đa chức năng (kết hợp vận tải hàng hoá với một hay nhiều tính năng như làm đất, bơm nước, phát điện, phun thuốc sâu...) để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng ở nông thôn và miền núi.

d) Đối với công nghiệp hỗ trợ

- Tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nước với các hãng ô tô lớn trong sản xuất, chế tạo phụ tùng, linh kiện cho lắp ráp xe thành phẩm, tiến tới sản xuất phục vụ xuất khẩu. Trong đó, ưu tiên tham gia chế tạo các chi tiết, linh kiện quan trọng như bộ truyền động, hộp số, động cơ, thân vỏ xe ...

- Hình thành một số trung tâm/cụm liên kết công nghiệp ô tô tập trung trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại sản xuất. Đẩy mạnh hợp tác - liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, các cơ sở nghiên cứu phát triển và các cơ sở đào tạo thuộc mọi thành phần kinh tế để nâng cao hiệu quả đầu tư và tăng cường khả năng chuyên môn hoá.

đ) Định hướng chiến lược khác

- Phát triển mở rộng các khu công nghiệp cơ khí và ô tô tại 3 vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với quy mô 200 - 1.000 ha, ưu tiên cho các dự án sản xuất có quy mô lớn và công nghiệp hỗ trợ cho ngành sản xuất ô tô.

- Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi, thu hút đầu tư. Đặc biệt là các dự án khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất ô tô thân thiện với môi trường (xe tiết kiệm nhiên liệu, xe chạy bằng năng lượng điện, xe hybrid, xe sử dụng nhiên liệu sinh học...).

4. Nguồn vốn đầu tư

- Vốn huy động từ các nhà đầu tư nước ngoài.

- Vốn của doanh nghiệp.

- Vốn ngân sách hỗ trợ một phần cho đầu tư cơ sở hạ tầng, nghiên cứu - phát triển và đào tạo nguồn nhân lực.

- Các nguồn vốn khác.

5. Một số giải pháp và cơ chế chính sách

a) Chính sách đối với khu vực sản xuất

- Áp dụng thuế suất nhập khẩu ở mức trần các cam kết thuế quan mà Việt Nam đã tham gia đối với các loại phụ tùng, linh kiện cần khuyến khích đầu tư sản xuất và các loại phụ tùng, linh kiện sản xuất trong nước đáp ứng được yêu cầu về chất lượng và số lượng.

- Bổ sung dự án sản xuất xe nông dụng nhỏ đa chức năng vào Danh mục các dự án đầu tư được hưởng các chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Dự án sản xuất xe thân thiện môi trường (xe tiết kiệm nhiên liệu, xe hybrid, xe sử dụng nhiên liệu sinh học, xe chạy điện...) được áp dụng chính sách ưu đãi cao nhất hiện hành.

- Khuyến khích doanh nghiệp trong nước tham gia các chuỗi cung ứng toàn cầu trong sản xuất, xuất khẩu linh kiện, phụ tùng và xe nguyên chiếc bằng các giải pháp:

+ Áp dụng ổn định chính sách tín dụng xuất khẩu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Được hưởng các chế độ ưu đãi của Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia.

+ Được hưởng ưu đãi hiện hành theo Chương trình Cơ khí trọng điểm.

- Dự án sản xuất linh kiện, phụ tùng ô tô được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước với lãi suất thấp nhất theo từng thời kỳ.

- Các doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng ô tô được hưởng ưu đãi theo Đề án "Trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ" của Chính phủ.

b) Chính sách đối với khu vực tiêu dùng

- Thực hiện lộ trình giảm thuế suất nhập khẩu xe ô tô nguyên chiếc trong ATIGA (ASEAN) đến hết năm 2018 theo cam kết của Chính phủ Việt Nam.

- Rà soát, điều chỉnh chính sách thuế, phí theo hướng tạo điều kiện phát triển ngành công nghiệp ô tô để đáp ứng nhu cầu sử dụng ô tô của nền kinh tế và của người dân, đồng bộ với phát triển của hạ tầng giao thông và yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho xe chở người dưới 24 chỗ: mức thuế suất điều chỉnh áp dụng theo chủng loại và công dụng xe:

+ Áp dụng mức thuế thấp nhất đối với các loại xe khách tầm trung và tầm ngắn chạy liên tỉnh, liên huyện, nội đô,... từ 16 chỗ đến dưới 24 chỗ và các loại xe vừa chở người vừa chở hàng hóa phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

+ Áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với các loại xe thân thiện với môi trường.

+ Áp dụng mức thuế suất cao đối với các loại xe chở người đến 9 chỗ, có dung tích động cơ trên 3.0 lít.

- Bổ sung xe tải nhẹ sức chở đến 3 tấn và xe nông dụng nhỏ đa chức năng vào danh mục máy, thiết bị được hưởng hỗ trợ theo chủ trương của Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

c) Các giải pháp, chính sách khác

- Thực hiện nhất quán hệ thống chính sách đã và sẽ ban hành trong thời gian tối thiểu 10 năm, phù hợp với xu thế hội nhập để tạo sự tin tưởng đối với các nhà đầu tư, nhà sản xuất, tăng thu hút hoạt động đầu tư nhằm đạt mục tiêu phát triển công nghiệp ô tô.

- Hoàn thiện, bổ sung tiêu chuẩn kỹ thuật đối với ô tô sản xuất trong nước để bảo vệ người tiêu dùng, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Ban hành phí môi trường cao đối với xe có dung tích động cơ trên 3.0 lít.

- Bổ sung các quy định tiêu chuẩn về các đại lý nhập khẩu (về khả năng tài chính, kho bãi, chế độ bảo hành, bảo trì...).

- Nhà nước hỗ trợ một phần từ nguồn vốn ngân sách cho công tác nghiên cứu - phát triển và đào tạo nâng cao kỹ sư chuyên ngành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

- Chủ trì tổ chức công bố và chỉ đạo triển khai thực hiện Quy hoạch; rà soát, cập nhật và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, tổng hợp và đề xuất các chính sách tín dụng ưu đãi, thuế, phí phù hợp nhằm thúc đẩy sản xuất, phát triển thị trường, đồng thời tận dụng được tối đa các cơ hội trong quá trình hội nhập, đáp ứng mục tiêu phát triển ngành công nghiệp ô tô, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo nhiệm vụ được giao tại Chiến lược đã được phê duyệt.

- Ban hành các quy định cụ thể bảo đảm việc sản xuất, nhập khẩu động cơ, xe cơ giới và cung ứng nhiên liệu sử dụng cho xe cơ giới có chất lượng theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, quản lý hoạt động xuất nhập khẩu động cơ, xe ô tô, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

2. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan xây dựng công thức xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt bảo đảm bình đẳng giữa xe sản xuất lắp ráp trong nước với xe nhập khẩu nguyên chiếc cùng loại.

- Kiểm soát chặt chẽ việc thu thuế đối với ô tô và linh kiện, phụ tùng nhập khẩu; phối hợp với các Bộ liên quan tăng cường các giải pháp đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành các tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật đối với xe ô tô sản xuất trong nước, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật đối với xe ô tô nhập khẩu.

- Khẩn trương xây dựng, ban hành, công bố quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel, nhiên liệu sinh học với tiêu chuẩn khí thải phù hợp với lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, ban hành các hướng dẫn, quy định về chuyển giao công nghệ đối với hoạt động sản xuất lắp ráp ô tô và phụ tùng.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu, đề xuất bổ sung các sản phẩm, linh kiện ô tô vào Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ Giao thông vận tải

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng đối với các loại xe sản xuất trong nước.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát khí thải xe cơ giới sản xuất trong nước, nhập khẩu và xe đang lưu hành bảo đảm đáp ứng đúng quy định tiêu chuẩn khí thải; kiên quyết dừng hoạt động các loại xe đang hoạt động không đáp ứng các quy định về tiêu chuẩn khí thải.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan trong quá trình xem xét, phát triển mở rộng các khu công nghiệp cơ khí và ô tô ở các vùng kinh tế,

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương trình Chính phủ đề xuất việc bổ sung xe tải nhẹ sức chở đến 3 tấn và xe nông dụng nhỏ đa chức năng vào Danh mục máy, thiết bị; bổ sung dự án sản xuất xe nông dụng nhỏ nhiều chức năng vào Danh mục các dự án đầu tư theo chủ trương của Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hiệp hội Doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam; Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Việt Nam; Hội Kỹ sư ô tô Việt Nam ;

Tham gia, phối hợp chặt chẽ theo chức năng nhiệm vụ của mỗi cơ quan trong việc triển khai thực hiện quy hoạch, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 177/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- Các Hiệp hội: DN Cơ khí VN, các nhà SX ô tô VN, kỹ sư ô tô VN;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGD Công TTĐT; các Vụ: TH, KTTH, QHQT, KGVX;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b), Đg. 330



Nguyễn Tấn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 1306/ SY-UBND

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Công Thương;
- Lãnh đạo VP, K6;
- Lưu: VT (13b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 30 tháng 7 năm 2014



Lê Nhuận